

Bản án số: 57/2023/HS-PT
Ngày 01 tháng 6 năm 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn.

Các Thẩm phán: Ông Đào Chí Keo, ông Trương Văn Hai

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mộng Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Năng - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 35/2023/HSPT-HS ngày 15 tháng 02 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Thị Bích H, Nguyễn Văn Ph; do có kháng cáo của bị cáo H, bị cáo Ph đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 50/2022/HS-ST ngày 13 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện TB (nay thị xã Tịnh Biên), tỉnh An Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1987, nơi sinh tại huyện TB, tỉnh An Giang; nơi cư trú: Tổ 21, ấp KhH, xã KhH, huyện CP, tỉnh An Giang; nơi ở hiện nay: Số 40, tổ 2, ấp KhL, xã KhH, huyện CP, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Đạo phật; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1966 và bà Bùi Thị Mười H, sinh năm 1968; Anh, em: có 03 người, bị cáo là người thứ nhất; Chồng: Nguyễn Tuấn Kh, sinh năm 1990, chết; con có 02 người, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh ngày 07/10/2022.

Tiền án, tiền sự: không;

Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/5/2022 đến nay, bị cáo có mặt.

2. Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1989, nơi sinh tại huyện TB, tỉnh An Giang; nơi cư trú: tổ 16, ấp PhN, xã AP, huyện TB, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Đạo phật; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1966 và bà Bùi Thị Mười H, sinh năm 1968; Anh, em: có 03 người, bị cáo là người thứ hai; vợ: Lê Thị Ph, sinh năm 1988; con có 02 người, sinh năm 2013, con nhỏ nhất năm 2023;

Tiền án, tiền sự: không;

Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/8/2022 đến nay, bị cáo có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo H, bị cáo Ph* có Luật sư Nguyễn Ngọc Châu Văn phòng luật sư Nguyễn Trần thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang; địa chỉ: Số 68, đường Doãn Uẩn, khóm 3, phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- *Bị hại:*

1. Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1985, nơi cư trú: ấp Phú Nhứt, xã An Phú, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, (có mặt)

2. Ông Nguyễn Xạ H1, sinh năm 1982, nơi cư trú: ấp PhN, xã AP, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, (có mặt)

- *Người làm chứng:*

1. Ông Trương Văn Nh, sinh năm 1980, (có mặt)

2. Ông Nguyễn Văn Qu, sinh năm 1963, (có mặt)

3. Em Nguyễn Văn L, sinh ngày 28/11/2011, (vắng mặt)

Người đại diện theo pháp luật cho em L: Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1985, nơi cư trú: ấp PhN, xã AP, huyện TB, tỉnh An Giang.

4. Bà Võ Thị Đ, sinh năm 1952, (có mặt)

5. Bà Nguyễn Thị L (tên gọi khác Tuyết L), sinh năm 1980, (có mặt)

6. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1943, (vắng mặt)

7. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1986, (có mặt)

(Trong vụ án này, do có kháng cáo của bị cáo H, bị cáo Ph; bị hại không kháng cáo; Viện kiểm sát không kháng nghị)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 05/01/2022, Nguyễn Thị Bích H, Nguyễn Tuấn Kh (chồng của H) đến nhà ông Nguyễn Văn D (cha ruột của H) tổ chức uống rượu cùng với Nguyễn Văn Ph (em ruột của H), thì nghe nói việc anh Nguyễn Xạ H1 (hàng xóm của ông D) thường xuyên chửi cha mẹ của H; tức giận, Ph điều khiển xe mô tô biển số 67F1-322.29 chạy một mình; Kh điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) chở H, đi tìm anh H1 để hỏi vì sao chửi cha mẹ H. Khi đi đến khu vực tổ 16, ấp PhN, xã AP, huyện TB, thấy chị Nguyễn Thị Q (vợ của anh H), Ph dừng xe, hỏi anh H đang ở đâu và xảy ra cữ cãi với chị Q. H thấy vậy, xuống xe cầm nón bảo hiểm bằng tay phải, đánh 02 cái trúng vào mũi và môi của chị Q gây thương tích, được Ph và Kh can ngăn.

Sáu đó, Kh, H và Phúc tiếp tục điều khiển xe mô tô tìm anh H1; đến khu vực tổ 06, ấp PhN, xã AP, huyện TB; H và Ph thấy anh H1 đang ở trong chòi, thì H và Ph đứng cách chòi khoảng 02m cữ cãi với anh H1; H và Ph cùng lúc nhặt đất cứng, đá

sỏi ném liên tiếp trúng vào đầu anh H1, thấy anh H1 chảy máu đầu và ngồi khụy xuống sàn nhà, thì H và Ph dừng không ném nữa. Lúc này, Phúc tiếp tục nhặt khúc cây ở gần đó, cầm trên tay phải chạy lên chòi đánh liên tiếp vào người anh Hương gây thương tích rồi Phúc ném bỏ cây; Kh và H điều khiển xe đi về nhà; anh H1, chị Q được đưa đi cấp cứu và điều trị tại Bệnh viện Hạnh Phúc thuộc thành phố LX, đến ngày 12/01/2022 xuất viện.

Ngày 17/01/2022, chị Q và anh H có đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với Hạnh, Phúc;

Ngày 23/5/2022, Nguyễn Thị Bích H bị khởi tố, điều tra. Ngày 18/8/2022, Nguyễn Văn Ph bị khởi tố, điều tra.

Vật chứng thu giữ gồm: Nhiều cục đất cứng, đá sỏi.

* Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 118/22/TgT ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Trung tâm pháp y tỉnh An Giang, kết luận: Nguyễn Thị Q, sinh năm 1985, địa chỉ: ấp PhN, xã AP, huyện TB, tỉnh An Giang.

- Sẹo môi trên bên trái, kích thước (1.2 x 0.1) cm, bờ không thẳng: **01%**.

- Chấn thương mũi. Gãy xương chính mũi điều trị bảo tồn: **09%**.

Tỉ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do tất cả thương tích gây nên hiện tại là 10%.

* Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 119/22/TgT ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Trung tâm pháp y tỉnh An Giang, kết luận: Nguyễn Xạ H1, sinh năm 1982, địa chỉ: tổ 16, ấp PhN, xã AP, huyện TB, tỉnh An Giang.

- Sẹo cằm phải, kích thước (04 x 0.2) cm + (1.5 x 0.2) cm, bờ không thẳng: **02%**. Do vật tày có cạnh gây nên.

- Vùng vai trái không tồn tại thương tích: **00%**. Do vật tày gây nên.

- Sẹo mặt lưng bàn tay trái phía ngón II, kích thước (1.1 x 0.3) cm: **01%**. Do vật tày có cạnh gây nên.

- Vùng đùi phải không thương tích tồn tại: **00%**. Do vật tày gây nên.

- Vùng gối trái không thương tích tồn tại: **00%**. Do vật tày gây nên.

Tỉ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do tất cả thương tích gây nên hiện tại là 03%.

Bản Cáo trạng số 47/CT-VKSTB.HS ngày 24 tháng 10 năm 2022, Viện Kiểm sát nhân dân huyện TB đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Bích H về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm c khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Nguyễn Văn Ph về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây gọi tắt Bộ luật Hình sự).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2022/HSST ngày 13 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện TB, đã quyết định

1. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 134; Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm n, s khoản 1 Điều 51 và điểm i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Bích H phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Bích H 02 (hai) năm tù, thời gian tính kể từ ngày chấp hành án.

2. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn Ph phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Ph 09 (chín) tháng tù, thời gian tính kể từ ngày chấp hành án.

3. Biện pháp tư pháp:

* *Về xử lý vật chứng*: Căn cứ vào Điều 46, Điều 47, Điều của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- *Tịch thu, tiêu hủy*:

+Nhiều cục đất cứng, đá sỏi.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 28/10/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tịnh Biên và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên).

4. Về trách nhiệm dân sự: Điều 584, 585, 586, 587, 589, 590 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Bích H có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Q về chi phí điều trị bệnh và tổn thất, phục hồi sức khỏe: 27.562.000đ *(hai mươi bảy triệu, năm trăm, sáu mươi hai ngàn đồng)*.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Bích H và Nguyễn Văn Ph có trách nhiệm liên đới bồi thường theo phần bằng nhau cho bị hại Nguyễn Xạ H1 chi phí điều trị bệnh và tổn thất, phục hồi sức khỏe: 21.079.000đ *(hai mươi một triệu, lẻ bảy mươi chín ngàn đồng)*, mỗi bị cáo phải bồi thường là 10.539.500đ *(mười triệu, năm trăm, ba mươi chín ngàn, năm trăm đồng)*.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, điểm c, điểm e, điểm g khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Thị Bích H và Nguyễn Văn Ph mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng *(hai trăm ngàn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.905.000đ *(một triệu, chín trăm, lẻ năm ngàn đồng)*.

Bị cáo Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 527.000đ *(năm trăm, hai mươi bảy ngàn đồng)*.

Bị hại Nguyễn Thị Q phải chịu 1.378.000đ *(một triệu, ba trăm, bảy mươi tám ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Bị hại Nguyễn Xạ H1 phải chịu 2.759.000đ *(hai triệu, bảy trăm, năm mươi chín ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Ngày 19/12/2022, bị cáo H, bị cáo Ph xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị cáo H, Ph thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cấp sơ thẩm đã xét xử; mong Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ hình phạt, xin cho bị cáo hưởng án treo và cung cấp biên lai nộp toàn bộ số tiền để khắc phục hậu quả cho bị hại;

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm về vụ án và đề xuất với Hội đồng xét xử;

Về thủ tục kháng cáo: Bị cáo H, bị cáo Ph kháng cáo hợp lệ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận giải quyết theo thủ tục phúc thẩm;

Về nội dung vụ án: Bị cáo H, bị cáo Ph thừa nhận hành vi phạm tội, phù hợp các với tình tiết trong hồ sơ vụ án; cấp sơ thẩm xét xử bị cáo H về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm c khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự và bị cáo Ph điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật;

Tại phiên tòa, bị cáo H, bị cáo Ph có cung cấp biên lai nộp tiền khắc phục bồi thường toàn bộ số tiền cho bị hại Q, H; gia đình bị cáo H có chồng vừa chết; con còn nhỏ; bị cáo là lao động chính trong gia đình; bị cáo Phúc có con nhỏ; lao động chính, đây là tình tiết mới cấp sơ thẩm chưa xem xét theo điểm b khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Hội đồng xét xử cân nhắc giảm cho các bị cáo một phần hình phạt,

Đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; chấp nhận kháng cáo của bị cáo H, bị cáo Ph xin giảm nhẹ hình phạt;

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 134; Điều 54, Điều 38; điểm b, s, n khoản 1 Điều 51 và điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; giảm cho bị cáo H từ 03 đến 6 tháng tù.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; giảm cho bị cáo Ph từ 01 đến 3 tháng tù;

Các phần quyết định còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị;

Luật sư bào chữa cho bị cáo H, bị cáo Ph phát biểu ý kiến tranh luận: Về tội danh và khung hình phạt của các bị cáo thì thống nhất; không tranh luận; mong Hội đồng xét xử có cân nhắc một số tình tiết cho các bị cáo để xem xét trước khi nghị án để có một mức hình phạt tương xứng với từng bị cáo;

Bị cáo H là lao động chính trong gia đình; chồng bị cáo vừa chết; con lớn nhất mới hơn 7 tuổi và con nhỏ chỉ mới 07 tháng tuổi, nếu bị cáo H chấp hành hình phạt thì không ai chăm sóc; bị cáo H đã khắc phục bồi thường toàn bộ số tiền cho bị hại; địa phương xác nhận bị cáo H có hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn; đối với bị cáo Ph là lao động chính trong gia đình, con còn nhỏ mới hơn 4 tháng tuổi; bị cáo đã khắc phục bồi thường tiền cho bị hại; bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đối chiếu với quy định pháp luật thì các bị

cáo hội đủ điều kiện hưởng án treo theo Điều 65 Bộ luật hình sự; đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho 02 bị cáo được hưởng án treo.

Tranh luận:

Kiểm sát viên: Luật sư cũng thống nhất đề nghị của Viện kiểm sát về giảm nhẹ hình phạt; còn việc xin hưởng án treo thì thấy, các bị cáo nghe nói bị hại hay chửi cha mẹ của bị cáo liền sau đó tìm đánh các bị hại; các bị cáo sử dụng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho các bị hại; riêng bị cáo H gây thương tích cho bị hại Q; không dừng lại mà tiếp tục tìm bị hại Hương gây thương tích; căn cứ vào pháp luật Viện kiểm sát có cân nhắc; đề nghị Hội đồng xét xử chỉ giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; về hưởng án treo chưa đủ điều kiện để cho hưởng án treo; nên Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm đề xuất ban đầu;

Luật sư: Không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng của các bị cáo:hoàn cảnh gia đình khó khăn bị cáo là lao động chính, bị cáo tỏ rõ ăn năn,đã xin lỗi bị hại, riêng bị cáo H chồng mới chết mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:Thủ tục kháng cáo của bị cáo H, bị cáo Ph hợp lệ; Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm;

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt người liên quan, người làm chứng;tuy nhiên họ đã có lời khai tại Cơ quan điều tra; việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử; xét thấy cần thiết Hội đồng xét xử sẽ công bố lời khai của người làm chứng tại phiên tòa; căn cứ vào Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt theo thủ tục chung;

Xét về hành vi của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy;

[3] Đối với bị cáo H thừa nhận hành vi phạm tội, phù hợp với tình tiết trong hồ sơ vụ án, bị cáo H đã có hành vi dùng nón bảo hiểm đánh nhiều cái vào dùng mặt của bị hại Q gây thương tích với tỷ lệ thương g tât của bị hại 10%, trong khi chị Quý đang mang thai, liền sau đó bị cáo H cùng bị cáo Phúc đi lại căn chòi của bị hại H1 (chồng của bị hại Quý), tiếp tục gây thương tích cho bị hại Xạ H1 với tỷ lệ thương tật cho bị hại H1 3%; mặc dù bị cáo H khai khi chọi đá, đất cứng vào chòi tạm của bị hại H1 có trúng bị hại H1 hay không thì bị cáo không biết; nhưng thực tế là bị hại H1 đã bị thương tích ở vùng cằm phải 2% và mặt sau lưng bàn tay trái 1%; cho nên bị cáo H vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi này với vai trò đồng phạm giúp sức cùng bị cáo Phúc gây thương tích cho bị hại H1; cấp sơ thẩm xét xử bị cáo H theo điểm c khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự quy định: [*“Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm;...c) Phạm tội 02 lần trở lên;...”*] là có căn cứ;

[4] Đối với bị cáo Ph, thừa nhận có cầm cây đánh 2, 3 lần vào người H1; lúc khai cầm đất cứng, đá chọi vào căn chòi của H1; bị cáo Ph cũng khai nhận có dùng cây đánh bị hại H1, nhưng không biết trúng vào đâu; nhưng thực tế hậu quả xảy ra là ông H1 bị thương tích 3%; hung khí bị cáo Ph dùng đất cứng, đá và cây đều là loại hung khí nguy hiểm nên bị cáo cũng phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình; cấp sơ thẩm căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự quy định: “1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến dưới 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”: a) Dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm hoặc thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người], để xét xử bị cáo Ph là có căn cứ;

[5] Hành vi của bị cáo H, bị cáo Ph sử dụng hung khí nguy hiểm xâm hại trực tiếp cho các bị hại; thực hiện hành vi phạm tội cố ý; thấy rằng sức khỏe tính mạng là vốn quý của con người, được pháp luật bảo vệ; hành vi của các bị cáo gây mất an ninh trật tự địa phương, ảnh hưởng xấu đến đời sống xã hội; các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; do đó cần có hình phạt nghiêm mới tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo;

[6] Xét kháng cáo của bị cáo H, bị cáo Ph xin giảm nhẹ hình phạt, cho hưởng án treo thì thấy;

[6.1] Đối với bị cáo Ph thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại phiên tòa, bị cáo Ph xuất trình biên lai nộp tiền khắc phục toàn bộ tiền bồi thường cho bị hại; con còn nhỏ mới hơn 4 tháng tuổi; địa phương xác nhận chấp hành tốt ở địa phương; có nơi cư trú rõ ràng; đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo Ph hội đủ điều kiện hưởng án treo tại Điều 65 Bộ luật hình sự; Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo Phúc được hưởng án treo cũng đủ giáo dục, cải tạo bị cáo Ph; đề nghị của Viện kiểm sát chưa đồng quan điểm với Hội đồng xét xử.

[6.2] Đối với bị cáo H, cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết tăng nặng phạm tội đối với phụ nữ có thai theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; tình tiết giảm nhẹ như; người phạm tội là phụ nữ có thai; thành khẩn khai báo ăn năn, hối cải được quy định tại điểm s, n khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa, bị cáo H xuất trình biên lai nộp tiền khắc phục toàn bộ hậu quả cho bị hại; chồng bị cáo H vừa chết; bị cáo H hiện còn con nhỏ, không ai chăm sóc; địa phương xác nhận hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn; đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo H phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng, không đủ điều kiện để được hưởng án treo; nên Hội đồng xét xử có xem xét giảm cho bị cáo H 06 tháng tù cũng đủ giáo dục, cải tạo bị cáo; đề nghị của Viện kiểm sát được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Cấp sơ thẩm tính tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đối với bị hại là chưa đúng quy định pháp luật; mặc dù các bị hại không kháng cáo như ảnh hưởng đến quyền lợi của bị hại; Hội đồng xem xét sửa phần án phí dân sự sơ thẩm cho bị hại H1, Q; bị hại Q chỉ chịu phần án phí dân sự không được chấp nhận của số tiền bị mất 10.000.000đ, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 500.000đ; bị hại H1

không phải chịu án phí sơ thẩm.

[8] Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[9] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo H, Ph không phải chịu án phí theo quy định pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Bích H, Nguyễn Văn Ph xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo;

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2022/HS-ST ngày 13 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh An Giang đã quyết định:

[1]. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 134; Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm n, s khoản 1 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Bích H phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Bích H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tính kể từ ngày bị cáo H chấp hành án.

[2]. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn Ph phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Ph 09 (chín) tháng tù, nhưng cho bị cáo Ph được hưởng án treo; thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực;

Giao bị cáo Nguyễn Văn Ph cho Ủy ban nhân dân xã AP, huyện TB (nay là thị xã TB), tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[3] Biện pháp tư pháp:

* *Về xử lý vật chứng*: Căn cứ vào Điều 46, Điều 47, Điều của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- *Tịch thu, tiêu hủy:*

+Nhiều cục đất cứng, đá sỏi.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 28/10/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TB và Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB).

[4] Về trách nhiệm dân sự: Điều 584, 585, 586, 587, 589, 590 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Bích H có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Q về chi phí điều trị bệnh và tổn thất, phục hồi sức khỏe: 27.562.000đ *(hai mươi bảy triệu, năm trăm, sáu mươi hai nghìn đồng).*

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Bích H, Nguyễn Văn Ph có trách nhiệm liên đới bồi thường theo phần bằng nhau cho bị hại Nguyễn Xạ H1 chi phí điều trị bệnh và tổn thất, phục hồi sức khỏe: 21.079.000đ *(hai mươi một triệu, không trăm lẻ bảy mươi chín nghìn đồng)*, mỗi bị cáo phải bồi thường là 10.539.500đ *(mười triệu, năm trăm, ba mươi chín ngàn, năm trăm đồng).*

Tiếp tục tạm giữ số tiền 38.101.500đ theo biên lai số 0003240 (của bị cáo H nộp) và số tiền 10.539.500đ theo biên lai số 0003241 (của bị cáo Ph nộp) cùng ngày 31/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TB (nay là thị xã TB), tỉnh An Giang, để bảo đảm cho việc thi hành án;

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, điểm c, điểm e, điểm g khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Thị Bích H và Nguyễn Văn Ph mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng *(hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.905.000đ *(một triệu, chín trăm, lẻ năm nghìn đồng).*

Bị cáo Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 527.000đ *(năm trăm, hai mươi bảy nghìn đồng).*

Bị hại Nguyễn Thị Q phải chịu 500.000đ *(Năm trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo H, bị cáo Ph không phải chịu;

Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2022/HS-ST ngày 13/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh An Giang không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(Đã giải thích chế độ án treo cho bị cáo Ph)

Nơi nhận:

- TAND cấp cao (1);
- VKSND tỉnh An Giang (2);
- Cục THADS tỉnh An Giang (1);
- Sở Tư pháp (1);
- TAND thị xã Tịnh Biên (2);
- Công an thị xã Tịnh Biên(1);
- Chi cục THADS thị xã Tịnh Biên(1);
- UBND xã An Phú, thị xã Tịnh Biên (1)
- Bị cáo (1);
- Bị hại (1);
- Phòng KTNV và THA (1);
- PV 06 (1);
- Văn phòng (2);
- Lưu Tòa, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Sơn